

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26-02-2021  
V/ v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Q;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn D.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Tòa án.

**- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc A, Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2021, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1977; vắng mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ huyện P, tỉnh H

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ huyện P, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973; vắng mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ huyện P, tỉnh H.

3. *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ huyện P, tỉnh H;

+ Cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1995; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ huyện P, tỉnh H;

+ Cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1999; vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà 28A T, phường Q, thành phố H, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Về tình cảm: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Huyện P, tỉnh H vào ngày 18/9/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T về sống chung cùng gia đình nhà chồng tại thôn K, xã Huyện P đến năm 1999 thì vợ chồng chị ra ăn ở riêng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường, đến năm 1999 sau khi sinh con thứ hai thì anh T chơi bời, không chịu lo làm ăn mà lao vào uống rượu, chơi cờ bạc. Chị T đã khuyên ngăn, anh T có xin lỗi chị, còn viết giấy cam kết không chơi cờ bạc nữa nhưng sau đó đâu lại hoàn đấy, anh T vẫn không chịu thay đổi. Đến năm 2010 chị đã bỏ ra ngoài Quảng Ninh để làm ăn, sau đó anh T cũng ra Quảng Ninh cùng làm ăn với chị nhưng anh T vẫn tiếp tục chơi cờ bạc. Đến năm 2012 do quá chán nản nên chị và anh T không còn làm cùng nhau nữa và mỗi người ở một nơi, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không còn chung sống cùng nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình có biết, có phân tích và khuyên bảo anh T không chơi cờ bạc nữa nhưng cũng không có kết quả gì. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài nhiều năm, đã nhiều lần chị định làm đơn xin ly hôn anh T vì nghĩ thương các con nên chị hoãn lại nhưng đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về tình cảm: Anh nhất trí quan điểm như chị T trình bày, anh và chị T đến với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc bình thường, không nảy sinh mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 7 - 8 năm chị T đi bán cháo, vợ chồng không chung sống cùng nhau, tuy nhiên anh vẫn qua lại với chị T nhưng cách đây khoảng 2 - 3 năm anh thấy chị T có sự thay đổi, vấn đề tế nhị anh không muốn trình bày cụ thể. Hơn 7 năm nay một mình anh ở nhà lo cho các con, công việc gia đình chị T không có một trách nhiệm gì, bản thân anh một mình chịu đựng. Cách đây hơn một năm anh và chị T không có cuộc sống chung nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh vẫn mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1999. Nay ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều có đồng quan điểm các cháu đã trưởng thành, tự lập được nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn, bị đơn đều có đồng quan điểm xác định vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng:*

- Cháu Nguyễn Văn D và cháu Nguyễn Thị Lan A là con của chị T, anh T đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T là do chị T đi làm ăn

xa, ở nhà anh T đôi lúc có uống rượu, khi uống rượu say anh T không làm chủ được bản thân, mất kiểm soát nên có xảy ra cãi nhau và xô xát với chị T. Từ khi chị T đi làm ăn xa thì thoảng có về nhà thăm cháu D và cháu Lan A xong rồi lại đi, không ở nhà. Cháu D và cháu Lan A đều nhận thấy cuộc sống giữa chị T và anh T không có hạnh phúc. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T thì các cháu đều đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Các cháu D và Lan A đều đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ anh T) trình bày:

Anh T và chị T trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1995 đúng quy định của pháp luật. Bà nhận thấy trong thời gian vợ chồng anh T sống tại quê hai anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 10 năm thì chị T bỏ đi làm ăn ở Hải Phòng còn anh T thỉnh thoảng vẫn ra Hải Phòng qua lại chỗ chị T. Chị T thỉnh thoảng cũng về qua nhà một vài tiếng rồi lại đi, không ở nhà qua đêm, nguyên nhân vì sao thì bà không nắm được. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T, đây là chuyện riêng của hai anh chị nên bà không có quan điểm đề nghị gì.

- Ủy ban nhân dân xã Đoàn Đào cung cấp thông tin: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Đào vào năm 1995 theo đúng quy định của pháp luật. Địa phương nắm được quá trình vợ chồng chị T, anh T sinh sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T uống rượu, còn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Khoảng 10 năm nay vợ chồng chị T không sinh sống cùng nhau tại địa phương.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Các con chung đều trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác; các bên đương

sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Huyện P, tỉnh H vào năm 1995; do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Chị T có yêu cầu khởi kiện ly hôn; anh T có nơi đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn K, xã Huyện P, tỉnh H vì vậy Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX sẽ tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã Đoàn Đào có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T có mâu thuẫn, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn mà thường hay uống rượu và một phần nguyên nhân do chị T thường xuyên xa nhà, không quan tâm gì đến anh T cũng như không có trách nhiệm gì đến công việc của gia đình dẫn đến anh T nghi ngờ chị T sống không chung thủy với anh. Vợ chồng chị T, anh T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng không ăn, ở chung mà mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vì hạnh phúc chỉ đạt được khi có sự vun đắp của cả vợ và chồng; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng giữa chị T và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, cả vợ và chồng đều không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng; hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay không có cuộc sống chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T có 02 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1999. Các bên đương sự đều có đồng quan điểm là các con chung đều đã trưởng

thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Văn D, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, tự lập được; các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với các con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Các bên đương sự đều xác định không có gì, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003804, ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Mạnh Q**

